

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 71 /2012/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 29 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 710/TTr-STNMT ngày 25 tháng 9 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Đối với những dự án, hạng mục trong dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kể từ ngày Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực thi hành đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì được điều chỉnh, bổ sung việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định tại Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Xây dựng, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi gửi:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Viện KSND tỉnh, Toà án nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các cơ quan báo, đài;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH, CNN, NC, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Minh Phúc

Trần Minh Phúc

QUY ĐỊNH

Về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 71 /2012/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2012 của UBND tỉnh Đồng Nai)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trừ các dự án có sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

2. Ngoài những nội dung tại Quy định này, việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện còn được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (sau đây gọi là Nghị định số 69/2009/NĐ-CP) và các quy định hiện hành khác có liên quan.

3. Đối với những nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được quy định cụ thể tại Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện (sau đây gọi là Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg) thì thực hiện theo quy định tại Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư bị thu hồi đất tại vùng lòng hồ, vị trí xây dựng đập, các công trình đầu mối, công trình phụ trợ và nơi xây dựng khu, điểm tái định cư, bị thiệt hại tài sản gắn liền với đất bị thu hồi (gọi chung là người bị thu hồi đất) để thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện.

2. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng đất, thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Chương II

BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VỀ ĐẤT

Điều 3. Bồi thường đối với trường hợp đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng Nhà nước giao cho các tổ chức quản lý (theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg).

1. Đối với trường hợp đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng Nhà nước giao cho các tổ chức quản lý mà các tổ chức giao khoán lại cho các tổ chức khác, hộ gia đình, cá nhân khoanh nuôi tái sinh rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng hoặc trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo hợp đồng khoán, khi Nhà nước thu hồi đất, hộ gia đình, cá nhân không được bồi thường về đất, nhưng được bồi thường về cây trồng trên đất.

2. Mức bồi thường về cây trồng trên đất theo quy định tại Khoản 1 Điều này tương đương với mức phân chia sản phẩm quy định tại Thông tư liên tịch số 80/2003/TTLT/BNN-BTC ngày 03 tháng 9 năm 2003 của Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về quyền lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp. Cụ thể như sau:

a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán để bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên ở những vùng phòng hộ đầu nguồn (phân chia theo loại rừng khi nhận giao khoán) là rừng tự nhiên:

Nếu là rừng thứ sinh nghèo kiệt thì được hưởng 95% (chín mươi lăm phần trăm) giá trị sản phẩm khi khai thác, sau khi đã nộp các khoản thuế và các chi phí khác (giá trị được bồi thường);

Nếu là rừng phục hồi sau nương rẫy thì được hưởng 80% (tám mươi phần trăm) giá trị sản phẩm, sau khi đã nộp thuế và các chi phí khác;

Nếu là rừng trung bình, rừng giàu có trữ lượng lớn hơn 100 m³/ha (một trăm mét khối trên một hecta) thì mỗi năm nhận khoán sẽ được hưởng 2% (hai phần trăm) giá trị sản phẩm, sau khi đã nộp thuế và các chi phí khác.

b) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán để trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng ở những vùng phòng hộ đầu nguồn (rừng trồng):

Đối với cây trồng phụ trợ, cây trồng xen thì được hưởng 100% (một trăm phần trăm) giá trị sản phẩm;

Đối với sản phẩm chính mà nhận kinh phí Nhà nước để trồng, chăm sóc, bảo vệ thì được hưởng 65% (sáu mươi lăm phần trăm) giá trị sản phẩm, sau khi đã nộp thuế; nếu tự bỏ vốn để trồng, chăm sóc và bảo vệ thì được hưởng 100% (một trăm phần trăm) giá trị sản phẩm, sau khi đã nộp thuế.

c) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán để trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng phòng hộ ở vùng ngập nước thì được bồi thường giá trị sản phẩm khi khai thác, sau khi đã nộp thuế và được phân chia như sau:

Nếu nhận vốn hỗ trợ của Nhà nước để trồng, chăm sóc thì được hưởng 85% (tám mươi lăm phần trăm) giá trị sản phẩm;

Nếu tự bỏ vốn để trồng, chăm sóc thì được hưởng 100% (một trăm phần trăm) giá trị sản phẩm.

3. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm lập phương án bồi thường thiệt hại về cây trồng trên đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này. Trước khi trình thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Hội đồng Bồi thường của dự án phải lấy ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về đối tượng được bồi thường và mức bồi thường cụ thể theo quy định.

Điều 4. Diện tích đất tính bồi thường (theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg).

Trường hợp người có đất bị thu hồi có đủ điều kiện để được bồi thường thiệt hại về đất nhưng trong giấy tờ về quyền sử dụng đất không xác định rõ diện tích đất sử dụng thì diện tích đất để tính bồi thường được quy định cụ thể như sau:

1. Trường hợp trên giấy tờ đó không ghi rõ diện tích từng loại đất (ghi là đất ở cộng đất nông nghiệp) thì diện tích đất ở để tính bồi thường không vượt quá hạn mức diện tích giao đất ở theo quy định của UBND tỉnh ban hành quy định về hạn mức diện tích giao đất ở tại thời điểm bồi thường; phần diện tích đất thực tế bị thu hồi còn lại được bồi thường theo loại đất nông nghiệp ghi trên giấy tờ đó.

2. Trường hợp trên giấy tờ đó không ghi rõ diện tích đất sử dụng thì diện tích đất để tính bồi thường được căn cứ theo biên bản xác nhận có đầy đủ chữ ký của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn, Chủ tịch Hội đồng

Bồi thường của dự án và chủ sử dụng đất nhưng tối đa không vượt quá hạn mức diện tích giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 70 Luật Đất đai năm 2003 (đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp) và không vượt quá hạn mức diện tích giao đất ở theo quy định của UBND tỉnh ban hành quy định về hạn mức diện tích giao đất ở tại thời điểm bồi thường (đối với trường hợp thu hồi đất ở).

Chương III **BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VỀ TÀI SẢN**

Điều 5. Bồi thường thiệt hại công trình công cộng được xây dựng bằng vốn ngân sách nhà nước (theo quy định tại Khoản 1, Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg).

Đối với công trình công cộng được xây dựng bằng vốn ngân sách nhà nước bị thiệt hại nhưng không có nhu cầu xây dựng lại tại nơi mới theo quy hoạch thì không được bồi thường; trường hợp khi xây dựng công trình công cộng có sự tham gia bằng ngày công, vật tư và tiền của nhân dân thì UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa (sau đây gọi là UBND cấp huyện) quyết định mức bồi thường cụ thể nếu thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp huyện trình UBND tỉnh quyết định mức bồi thường cụ thể nếu thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND tỉnh.

Điều 6. Bồi thường thiệt hại đối với cây lâu năm (theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg).

Mức bồi thường cụ thể được áp dụng theo quy định của UBND tỉnh Đồng Nai về giá bồi thường, hỗ trợ tài sản khi Nhà nước thu hồi đất đối với cây lâu năm tại thời điểm bồi thường.

Chương IV **CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

Điều 7. Hỗ trợ xây dựng nhà ở (theo quy định tại Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg).

Hộ tái định cư tập trung, hộ tái định cư xen ghép, hộ sở tại bị thu hồi đất ở để xây dựng khu tái định cư, ngoài số tiền nhận bồi thường thiệt hại về nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở tại nơi cũ theo quy định tại Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg, còn được hỗ trợ tiền để làm nhà ở theo quy định sau:

1. Một nhân khẩu hợp pháp được hỗ trợ với mức tương đương chi phí xây dựng 5m² (năm mét vuông) sàn.

2. Kết cấu nhà để tính mức hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều này là nhà cấp IV, hạng 1 (nhà cấp bốn, hạng một).

3. Đơn giá nhà để tính mức hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều này được áp dụng theo quy định của UBND tỉnh Đồng Nai về đơn giá xây dựng nhà ở để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, để bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước cho người đang thuê, để định giá trong các vụ án của Tòa án, Thi hành án và để định giá trong các nghiệp vụ kinh tế khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tại thời điểm hỗ trợ.

Điều 8. Hỗ trợ ổn định đời sống (theo quy định tại Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg).

1. Hỗ trợ lương thực

a) Mỗi nhân khẩu hợp pháp thuộc hộ bị thu hồi toàn bộ đất ở, đất sản xuất phải di chuyển chỗ ở được hỗ trợ lương thực trong thời gian 48 (bốn mươi tám) tháng.

b) Hộ bị thu hồi từ 30% (ba mươi phần trăm) đến 70% (bảy mươi phần trăm) diện tích đất sản xuất nông nghiệp đang sử dụng hợp pháp (được giao hoặc giao khoán) được hỗ trợ lương thực trong thời gian 24 (hai mươi bốn) tháng; hộ bị thu hồi trên 70% (bảy mươi phần trăm) diện tích đất sản xuất nông nghiệp (được giao hoặc giao khoán) được hỗ trợ lương thực trong thời gian 36 (ba mươi sáu) tháng.

c) Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại Điểm a và Điểm b, Khoản 1 Điều này được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo/khẩu/tháng (ba mươi kilôgam gạo trên một nhân khẩu trên một tháng). Giá gạo tính theo giá gạo trung bình của địa phương tại thời điểm hỗ trợ.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ lương thực theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì không được hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định tại Khoản 1, Điều 20 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP.

2. Hỗ trợ về y tế để phòng chống dịch bệnh tại nơi ở mới

Mỗi nhân khẩu hợp pháp của hộ tái định cư được hỗ trợ y tế 01 (một) lần để phòng chống dịch bệnh tại nơi ở mới. Mức hỗ trợ cụ thể là 30.000 đồng/nhân khẩu (ba mươi nghìn đồng trên một nhân khẩu).

3. Hỗ trợ về giáo dục

a) Mỗi học sinh phổ thông các cấp thuộc hộ tái định cư được hỗ trợ bằng tiền, với mức bằng (=) giá trị một bộ sách giáo khoa theo đơn giá sách quy định tại thời điểm hỗ trợ.

b) Học sinh phổ thông các cấp không phải đóng tiền học phí trong năm học đầu tiên tại nơi ở mới và được miễn các khoản đóng góp xây dựng trường trong 03 (ba) năm học liên tục tính từ khi bắt đầu học tập tại nơi ở mới.

4. Hỗ trợ thấp sáng

Mỗi nhân khẩu hợp pháp của hộ tái định cư được hỗ trợ thấp sáng trong một năm đầu (kể từ ngày chuyển đến nơi ở mới). Mức hỗ trợ tương đương 1,5 lít dầu hỏa/khẩu/tháng (một phẩy năm lít dầu hỏa trên một nhân khẩu trên một tháng) x (nhân) đơn giá một lít dầu hỏa tại thời điểm hỗ trợ.

5. Hỗ trợ chất đốt

Mỗi nhân khẩu hợp pháp của hộ tái định cư được hỗ trợ chất đốt trong một năm đầu (kể từ ngày chuyển đến nơi ở mới). Mức hỗ trợ tương đương 03 lít dầu hỏa/khẩu/tháng (ba lít dầu hỏa trên một nhân khẩu trên một tháng) x (nhân) đơn giá một lít dầu hỏa tại thời điểm hỗ trợ.

Điều 9. Hỗ trợ sản xuất (theo quy định tại Điều 11 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg).

1. Hỗ trợ trồng trọt

Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện mà được bồi thường bằng việc giao đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm, cây công nghiệp để trồng trọt tại nơi tái định cư thì được hỗ trợ trồng trọt theo quy định tại Khoản 1, Điều 11 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg.

2. Hỗ trợ chăn nuôi

Hộ tái định cư được hỗ trợ bằng tiền 01 (một) lần mua 02 (hai) con lợn (heo) giống thịt bình thường, trọng lượng 10 kg/con (mười kilôgam trên một con) và 01 (một) con bê nuôi lấy thịt giống địa phương 10 (mười) tháng tuổi theo quy định tại Khoản 2, Điều 11 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg.

3. Hỗ trợ trồng rừng sản xuất

Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện mà được bồi thường bằng việc giao đất trồng rừng sản xuất tại nơi tái định cư thì được hỗ trợ trồng rừng sản xuất theo quy định tại Khoản 3, Điều 11 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg.

4. Hộ tái định cư được tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật và hỗ trợ xây dựng mô hình trồng các loại cây, con theo phương án sản xuất được duyệt. Mức hỗ trợ cụ thể được thực hiện theo Thông tư số 102/2007/TTLT/BTC-BLĐTBXH ngày 20 tháng 8 năm 2007 của Bộ Tài chính-Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

5. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện mà được bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP và được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm theo quy định tại Điều

22 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP thì không được hỗ trợ sản xuất theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.

Điều 10. Hỗ trợ khác (theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 5, Điều 12 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg).

1. Khuyến khích di chuyển vượt tiến độ

Thực hiện theo quy định của UBND tỉnh ban hành quy định về việc thưởng cho đối tượng chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật về thu hồi đất tại thời điểm hỗ trợ. Trường hợp mức hỗ trợ theo quy định của UBND tỉnh ban hành quy định về việc thưởng cho đối tượng chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật về thu hồi đất thấp hơn mức hỗ trợ theo quy định tại Khoản 3, Điều 12 Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg (5000.000 đồng/hộ) thì được hỗ trợ với mức bằng (=) mức hỗ trợ theo quy định tại Khoản 3, Điều 12 Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg.

2. Trường hợp trong vùng dự án thu hồi đất có mồ mã của đồng bào các dân tộc không có tập quán di chuyển mồ mã thì được hỗ trợ 01(một) lần kinh phí làm lễ tâm linh theo truyền thống, mức hỗ trợ là 2.000.000 đồng/mộ (hai triệu đồng trên một mộ).

**Chương V
TÁI ĐỊNH CƯ**

Điều 11. Diện tích giao đất ở cho hộ tái định cư (theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg).

Hộ tái định cư đến điểm tái định cư tập trung được giao đất để làm nhà ở theo quy hoạch chi tiết tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp địa phương không có đất ở tái định cư để giao thì được bố trí nhà ở chung cư theo thiết kế đã được phê duyệt.

**Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 12. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa triển khai thực hiện Quy định này.

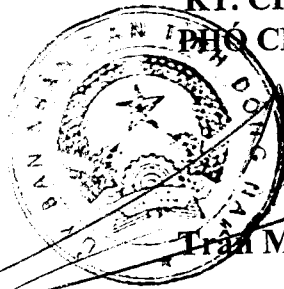
Chủ đầu tư các công trình thủy lợi, thủy điện phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa để tổ

chức thực hiện có hiệu quả dự án; bảo đảm kinh phí đầy đủ, kịp thời cho công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án.

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng bồi thường di dân, tái định cư dự án thủy lợi, thủy điện có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh Quy định này và các quy định hiện hành có liên quan; tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo xử lý./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Minh Phúc

Trần Minh Phúc